

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày: 17/6/2025

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoàn, ông Nguyễn Trọng Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 10/2024/TLST-KDTM ngày 27/12/2024 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2025/QĐXXST- DS ngày 27/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 23/4/2025; QĐ tạm ngừng phiên tòa số 01 ngày 20/5/2025; QĐ tạm ngừng phiên tòa số 02 ngày 29/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (HDBANK). Mã số doanh nghiệp: 0300608092. Địa chỉ: B Bis N, phường B, quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy K – Chức vụ: Giám đốc HDBANK. (Theo Quyết định ủy quyền số 1489/2023/QĐ-TGD ngày 23/5/2023 của Tổng Giám đốc HDBANK).

Người nhận ủy quyền lại:

1/ Ông Đào Tuấn A, chức vụ: Chuyên viên QHKH –HDBank Thành Đông; 2/ Ông Đỗ Đức T1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Trung tâm X; 3/ Ông Hồ Mạnh H, chức vụ: Trưởng bộ phận QLKH – HDBank Thành Đông; 4/ Ông Trịnh Ngọc H1, chức vụ: Giám đốc H4 (Theo Giấy ủy quyền số 28/2024/TTXLNMB ngày 28/8/2024 của Giám đốc chi nhánh H5 – H4 - ông Lê Duy K).

Bị đơn: Hộ kinh doanh. Đại diện: Bà Phạm Thị N, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1960, CCCD số 030160015145 và chồng là ông Phạm Minh H2, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1956. CCCD số 030056004239. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Phạm Minh H2, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Mạnh H và bị đơn ông Phạm Minh H2 có mặt).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP phát triển Thành Phố P – Chi nhánh H5 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Minh H2 và vợ là bà Phạm Thị N ký hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023, số tiền Ngân hàng cho ông H2 bà N vay là 1.500.000.000đồng; thời hạn cho vay là 12 tháng từ ngày 18/3/2023 đến ngày 17/3/2024, mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng phụ tùng xe máy, lãi suất cho vay trong hạn là 13%/năm cố định trong 3 tháng đầu, các tháng tiếp theo điều chỉnh lãi suất theo công thức tính như hai bên đã thỏa thuận tại HĐTD và thẻ tín dụng. Ngoài ra, Ngân hàng còn phát hành cho bà Phạm Thị N 01 thẻ tín dụng với hạn mức 150.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền trên, ông H2 bà N đã nhận nợ số tiền 1.500.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/3/2023.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng trên, ông H2 bà N đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu của ông H2 bà N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD943186 do UBND huyện K cấp ngày 18/11/2010 tại địa chỉ thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4490/23MB/HĐBĐ ngày 16/3/2023).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H2 bà N đã thanh toán số tiền lãi từ ngày 18/3/2023 đến ngày 20/11/2023, sau thời gian này, ông H2 bà N đã không thanh toán gốc, lãi thêm lần nào mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc.

Ngân hàng yêu cầu Tòa giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Phạm Minh H2 và bà Phạm Thị N phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/2/2025 là 2.047.990.783 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.500.000.000 đồng; lãi trong hạn là 60.581.414 đồng; lãi quá hạn là 245.397.945 đồng; lãi phạt là 7.441.228 đồng; tiền gốc thẻ tín dụng là 143.105.649 đồng; lãi trong hạn thẻ tín dụng là 70.023.350 đồng và lãi quá hạn thẻ tín dụng là 21.441.197 đồng.

2. Buộc ông H2 bà N phải thanh toán tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết sau ngày 10/02/2025 cho đến khi trả hết nợ.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực Pháp luật, nếu ông H2 bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

4. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng thì ông H2 bà N phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Phạm Minh H2 và vợ là bà Phạm Thị N khai: Vào ngày 16/3/2023, vợ chồng ông bà có ký kết Hợp đồng tín dụng, vay của Ngân hàng phát triển thành phố P, do hồ sơ vay nhiều nên ông bà không đọc mà chỉ ký nên ông không biết vay 1.500.000.000 đồng, ông bà chỉ đồng ý vay 700 triệu đồng để cho con trai ông bà làm vốn kinh doanh phụ tùng xe máy. Ông bà có thể chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 116 tờ bản đồ số 28 tại thôn P, xã K, huyện K, mang tên vợ chồng ông Phạm Minh H2 và Phạm Thị N. Ông bà xác định chữ ký trong Hợp đồng là chữ ký của vợ chồng ông bà.

Tại phiên toà: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu vợ chồng ông H2 bà N phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và lãi tạm đến ngày 16/6/2025 là 2.163.926.641 đồng, trong đó: Nợ gốc HĐTD là 1.500.000.000 đồng; lãi trong hạn là 60.581.414 đồng; lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 347.832.466 đồng; tiền gốc thẻ tín dụng là 143.105.649 đồng; lãi trong hạn thẻ tín dụng là 70.023.350 đồng và lãi quá hạn thẻ tín dụng là 42.383.762 đồng; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về tài sản thế chấp mà ông H2 và bà N đã thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay trên theo Hợp đồng và theo quy định của pháp luật; ông H2 và bà N phải chịu lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo thỏa thuận và chịu án phí theo quy định.

Đại diện Ngân hàng đề nghị ông H2 bà N trả nợ theo lộ trình: Từ 17/6/2025 đến 17/7/2025, trả ít nhất 10 triệu đồng tiền gốc; từ 17/7/2025 đến 17/12/2025, mỗi tháng trả 140 triệu đồng tiền gốc; từ 17/12/2025 đến 17/6/2026 trả mỗi tháng trả 155.500.0000 đồng gốc. Sau khi trả hết nợ gốc thì tiếp tục trả lãi. Việc xem xét đề nghị miễn tiền lãi của ông H2 sẽ được xem xét sau khi ông H2 trả hết tiền nợ gốc. Các đương sự không thống nhất được phương án trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền; việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các

đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P (H4). Buộc ông Phạm Minh H2 và vợ là bà Phạm Thị N có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP P tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023 và nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 2.163.926.641 đồng, trong đó: Nợ gốc HĐTD là 1.500.000.000 đồng; lãi trong hạn là 60.581.414 đồng; lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 347.832.466 đồng; tiền gốc thẻ tín dụng là 143.105.649 đồng; lãi trong hạn thẻ tín dụng là 70.023.350 đồng và lãi quá hạn thẻ tín dụng là 42.383.762 đồng. Ông H2 và bà N còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP P kể từ ngày 17/6/2025 với mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023 và thẻ tín dụng, trên số nợ gốc chưa thanh toán đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp ông H2 và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 116 tờ bản đồ số 28, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD943186 do UBND huyện K cấp ngày 18/11/2010 tại địa chỉ thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, mang tên vợ chồng ông Phạm Minh H2 và Phạm Thị N, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4490/23MB/HĐBĐ ngày 16/3/2023. Án phí: Miễn án phí đối với ông H2 và bà N; trả lại Ngân hàng H4 tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ông Phạm Minh H2 và bà Phạm Thị N đăng ký thường trú, cư trú tại thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, có giao kết hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023, với nội dung: Ngân hàng cho ông H2 bà N vay một hạn mức tín dụng là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân; mục đích vay: Kinh doanh phụ tùng xe máy (có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 04F8008637, đăng ký lần đầu ngày 17/3/2023). Tại khoản 3 Điều 11 của Hợp

đồng tín dụng nêu nếu có tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng, nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Bị đơn ông H2 bà N cư trú tại huyện K, tỉnh Hải Dương, có đăng ký kinh doanh - Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 04F8008637, đăng ký lần đầu ngày 17/3/2023; cùng ngày 17/3/2023, ông H2, bà N mới có đơn xin giải ngân và Ngân hàng cũng mới giải ngân, ông H2, bà N nhận nợ ngày 17/3/2023, xác định đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông H2 bà N thực hiện trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 2.163.926.641 đồng, trong đó: Nợ gốc HĐTD là 1.500.000.000 đồng; lãi trong hạn là 60.581.414 đồng; lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 347.832.466 đồng; tiền gốc thẻ tín dụng là 143.105.649 đồng; lãi trong hạn thẻ tín dụng là 70.023.350 đồng và lãi quá hạn thẻ tín dụng là 42.383.762 đồng, thì thấy: Hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Phạm Minh H2 và vợ là bà Phạm Thị N đã thể hiện ý chí tự nguyện thoả thuận giữa hai bên. Mặc dù ông H2 bà N khai chỉ cho con trai ông bà vay 700.000.000 đồng và do hồ sơ vay nhiều nên ông bà không đọc mà chỉ ký nên không biết đã vay 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, Hợp đồng được thiết lập bằng văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên tham gia, các bên ký hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân, ông H2 bà N đã nhận nợ số tiền 1.500.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/3/2023; tại Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/3/2023, ông H2, bà N đã đề nghị Ngân hàng chuyển 1.500.000.000 đồng vào Ngân hàng M – Chi nhánh H6, số tài khoản 38868856789 tên Nguyễn Mạnh T2, Ngân hàng đã chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng trên theo đề nghị của ông H2, bà N. Ông H2 và bà N xác nhận chữ ký của ông bà trong Hợp đồng tín dụng đúng là chữ ký của ông bà; tại phiên tòa, ông H2 cũng thừa nhận đã vay Ngân hàng H4 1.500.000.000 đồng, bà N đã nhận thẻ tín dụng và đưa con trai là anh Phạm Mạnh H3 sử dụng. Hơn nữa, để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023 nêu trên, ông H2 bà N đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4490/23MB/HĐBĐ ngày 16/3/2023 thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 116 tờ bản đồ số 28 tại thôn P, xã K, huyện K, mang tên vợ chồng ông Phạm Minh H2 và Phạm Thị

N. Hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết đảm bảo đúng quy định của pháp luật, được công chứng tại Văn phòng C và đã được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông H2 bà N đã thanh toán số tiền lãi từ ngày 18/3/2023 đến ngày 20/11/2023, sau thời gian này, ông H2 bà N không thanh toán gốc, lãi thêm lần nào mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc. Ông H2 bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS và Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Anh Phạm Mạnh H3, con ông H2, bà N xác nhận đã nhận được khoản vay của Ngân hàng, nhưng từ Ngân hàng M1 với số tiền 1.222.250.000 đồng nhưng anh H3 không chứng minh được số tiền anh nhận thiếu so với số tiền Ngân hàng đã giải ngân, ông bà Hiếu N1 đã xác nhận nợ; Anh H3 cũng xác nhận anh là người sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 150.000.000 đồng vào mục đích kinh doanh.

Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Phạm Minh H2 và vợ là bà Phạm Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 2.163.926.641 đồng, trong đó: Nợ gốc HĐTD là 1.500.000.000 đồng; lãi trong hạn là 60.581.414 đồng; lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 347.832.466 đồng; tiền gốc thẻ tín dụng là 143.105.649 đồng; lãi trong hạn thẻ tín dụng là 70.023.350 đồng và lãi quá hạn thẻ tín dụng là 42.383.762 đồng; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về tài sản thế chấp mà ông H2 và bà N đã thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay trên theo Hợp đồng và theo quy định của pháp luật; ông H2 và bà N phải chịu lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo thỏa thuận và chịu án phí theo quy định, là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với yêu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông H2 bà N thì thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số 4490/23MB/HĐBĐ ngày 16/3/2023 giữa Ngân hàng với ông H2 bà N về hình thức, hợp đồng đúng quy định của Bộ luật dân sự; về nội dung hai bên giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện ký hợp đồng; tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 116 tờ bản đồ số 28 tại thôn P, xã K, huyện K, mang tên vợ chồng ông Phạm Minh H2 và Phạm Thị N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD943186 do UBND huyện K cấp ngày 18/11/2010 tại địa chỉ thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Xét thấy, việc giao kết giữa hai bên tuân thủ các quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự. Sau khi ký hợp đồng thế chấp các bên tiến hành thủ tục đăng ký thế chấp và giữa các bên không có tranh chấp về hợp đồng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản xác minh tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương do TAND huyện Kim Thành thực hiện, có căn cứ xác định: So với thời điểm thế chấp, hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất tại thời điểm hiện tại không có sự thay đổi, biến động. Do vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên nếu ông H2 bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 188 Luật đất đai; khoản 1 Điều 299 BLDS nên có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H2 bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng là phù hợp quy định của Pháp luật.

Đối với ý kiến của ông H2 về việc chỉ cho con trai là anh Phạm Mạnh H3 vay 700 triệu đồng, ông bà chỉ ký các Hợp đồng nhưng không đọc và việc anh H3 trình bày chỉ nhận được số tiền 1.222.250.000 đồng chuyển qua tài khoản Ngân hàng M-Chi nhánh H6, số tài khoản 38868856789 tên Nguyễn Mạnh T2, là giao dịch giữa các thành viên trong gia đình ông H2 với nhau và với người mang tên Nguyễn Mạnh T2. Sau này các đương sự có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã tự chi xong.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Minh H2 và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí KDTM, nhưng ông bà đã trên 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn nên ông bà không phải chịu án phí.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, Điều 385, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng

thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P (H4).

2. Buộc ông Phạm Minh H2 và vợ là bà Phạm Thị N có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP P tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023 và nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 2.163.926.641 đồng, trong đó: Nợ gốc HĐTD là 1.500.000.000 đồng; lãi trong hạn là 60.581.414 đồng; lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 347.832.466 đồng; tiền gốc thẻ tín dụng là 143.105.649 đồng; lãi trong hạn thẻ tín dụng là 70.023.350 đồng và lãi quá hạn thẻ tín dụng là 42.383.762 đồng.

Ông H2 và bà N còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP P kể từ ngày 17/6/2025 với mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4490/23MB/HĐTD ngày 16/3/2023 và thẻ tín dụng, trên số nợ gốc chưa thanh toán đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp ông H2 và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 116 tờ bản đồ số 28, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD943186 do UBND huyện K cấp ngày 18/11/2010 tại địa chỉ thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, mang tên vợ chồng ông Phạm Minh H2 và Phạm Thị N, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4490/23MB/HĐBĐ ngày 16/3/2023.

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, ông H2 và bà N vẫn phải tiếp tục trả số nợ gốc và lãi còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP P.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã tự chi xong.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí đối với ông Phạm Minh H2 và bà Phạm Thị N.

Trả lại Ngân hàng TMCP P số tiền 34.000.000 (*ba mươi tư triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0006530 ngày 24/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Trung